TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HSST
Ngày 18/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thư

Bà Trịnh Thị Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu H. (tên gọi khác: Nguyễn Hữu L.) sinh ngày 25/01/1998 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Qu 1, xã A, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; bố đẻ: không xác định, mẹ đẻ: đã chết; bố nuôi: ông Nguyễn Hữu T., sinh năm 1957; mẹ nuôi: bà Trần Thị Ng., sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo Nguyễn Hữu H. bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2020. "Có mặt".

Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974. Vắng mặt

2. Anh Lê Đình Th, sinh năm 1982. Có mặt

Đều ở địa chỉ: thôn 5 Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

3. Anh Nguyễn Văn T., sinh năm 1998. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn X, xã P, huyện Ch, TP. Hà Nội;

4. Anh Phạm Văn L., sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: khu phố 3, phường S., thị xã B., tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trọng B1, sinh ngày 10/11/2004. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Trọng Gi, sinh năm 1972 (bố đẻ anh B1). Vắng mặt

Bà Trần Thị S1, sinh năm 1978 (mẹ đẻ anh B1). Vắng mặt

Đều ở địa chỉ: xóm 1, thôn 5, xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Anh Lại Văn B2, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: phố V, thị trấn BS, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 02/8/2020, Nguyễn Hữu H. và Nguyễn Trọng B1 đi bộ từ khu công nghiệp Hoàng Long đến thôn 5 Đ xã G phát hiện gia đình chị Nguyễn Thị N khóa cửa cổng nhưng không khóa cửa nhà. H. đứng ngoài cảnh giới, B1 trèo tường rào vào nhà trộm cắp 01 điện thoại Oppo A37F màu hồng nhạt để ở đầu giường trong phòng khách nhà chị N.

Sau khi trộm cắp được điện thoại nhà chị N, H. và B1 đi sâu vào trong ngõ phát hiện nhà anh Lê Đình Th cửa công khóa, cửa nhà mở, H. đứng ngoài cảnh giới, còn B1 trèo qua tường rào vào phòng khách trộm cắp 01 điện thoại Samsung J7 Pro của anh Th để ở đầu giường.

Đến khoảng 07 giờ ngày 03/8/2020, Nguyễn Trọng B1 mang điện thoại Samsung J7 pro bán cho Lại Văn B2 (chủ hàng điện thoại D) được 700.000 đồng. Đến 13 giờ ngày 04/8/2020, Nguyễn Trọng B1 tiếp tục bán điện thoại Oppo A37F cho Lại Văn B2 lấy 500.000 đồng. Khi bán, Nguyễn Trọng B1 nói với Lại Văn B2 đây là điện thoại của mình. Số tiền bán được điện thoại, cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 05/8/2020, H. và B1 đi bộ để tìm tài sản trộm cắp lấy. Đến 03 giờ ngày 06/8/2020, H. và B1 đến khu vực công trình đang xây dựng cạnh nhà sách Việt Lý ở thị trấn Bút S1, B1 đứng ngoài cảnh giới còn H. đi vào khu vực đang xây dựng ở tầng 01, trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6 plus màu ghi của anh Nguyễn Văn T. và 01 điện thoại Oppo F1S của anh Phạm Văn L.. Sau khi trộm cắp được tài sản, H. bỏ vào túi quần quay ra ngoài rồi cả hai đi thuê nhà nghỉ ngủ. Đến 07 giờ ngày 06/8/2020, Nguyễn Trọng B1 đem điện thoại Oppo F1S bán cho Lại Văn B2 lấy 500.000 đồng; còn điện thoại Iphone 6 plus màu ghi không mở được khóa màn hình nên H. giữ lại. Số tiền bán điện thoại, H. và B1 chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị mất tài sản, anh Phạm Văn L. đến cơ quan điều tra Công an huyện H trình báo

sự việc.

Đến 18 giờ ngày 06/8/2020, Nguyễn Hữu H. và Nguyễn Trọng B1 đến Công an H đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời H. Gi nộp 01 điện thoại Iphone 6 plus màu ghi.

Cơ quan điều tra Công an huyện H tiến hành thu giữ của Lại Văn B2 01 điện thoại Oppo màu hồng nhạt loại máy Oppo A37F; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 pro màu xanh đen đã qua sử dụng;

Tại các kết luận định giá tài sản số 34/HĐ ĐG; số 35/HĐ ĐG; số 36/HĐ ĐG ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận:

01 điện thoại di động Iphone 6 plus màu ghi đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng;

01 điện thoại di động Oppo A37F màu hồng nhạt đã qua sử dụng, trị giá 1.800.000 đồng;

01 điện thoại Samsung Galaxy J7 pro màu xanh đen đã qua sử dụng, trị giá 2.500.000 đồng.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S màu vàng nhạt, đã qua sử dụng của anh Phạm Văn L., sau khi mua điện thoại từ Nguyễn Trọng B1 thì Lại Văn B2 đã bán luôn cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với giá 600.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an huyện H đã ra Thông báo truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H có văn bản số 05/HĐ ĐG-HH từ chối việc định giá tài sản do tài sản định giá chưa thu hồi.

Sau khi định giá tài sản, cơ quan điều tra Công an huyện H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người bị hại. Đối với điện thoại Iphone 6 plus màu ghi của anh Nguyễn Văn T. chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện H chờ xử lý.

Đối với chiếc điện thoại Oppo F1S màu vàng nhạt, đã qua sử dụng của anh Phạm Văn L. không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lại Văn B2 trình bày: anh không quen biết Nguyễn Trọng B1, khi bán điện thoại cho anh, người thanh niên này đều nói là điện thoại của mình hoặc điện thoại nhặt được. Do đang đợt dịch covid, có đeo khẩu trang, khách bán điện thoại khá nhiều nên anh Lại Văn B2 cũng không để ý người thanh niên này đã bán điện thoại nhiều lần cho anh, đến khi Công an đến kiểm tra hỏi thì anh mới biết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu H. khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 79/CTr-VKSHH ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H. về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật

hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu H.. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H. phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị xử phạt bị cáo H. từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Đối với Nguyễn Trọng B1, do tại thời điểm phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện H không khởi tố bị can.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm về dân sự nên đề nghị không xem xét.

Đối với điện thoại của anh Phạm Văn L., anh không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Đối với anh Lại Văn B2 mua máy điện thoại, không biết những điện thoại đó do phạm tội mà có nên đề nghị không xem xét xử lý.

Đối với số tiền Lê Trọng B1 và bị cáo Nguyễn Hữu H. có được từ việc bán điện thoại là tiền do phạm tội mà có là 1.700.000 đồng, đề nghị truy thu sung quỹ nhà nước. Do B1 chưa đủ tuổi thành niên nên buộc người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Trọng Gi và bà Trần Thị S1 phải có trách nhiệm giao nộp cho cơ quan nhà nước.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Hữu H. trình bày: Bị cáo cảm ơn người bị hại đã xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu H. là người có đầy đủ năng lực hành vi dân

sự, lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu, đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó trong lần trộm cắp tài sản đầu tiên vào tối ngày 02/8/2020, H. và B1 đã liên tục hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cả hai lần liên tục thực hiện trộm được trong đêm 02/8/2020 với tài sản lấy lần đầu là điện thoại oppo A37F trị giá 1.800.000 đồng, tài sản trộm được tiếp đó là điện thoại Samsung J7 pro trị giá 2.500.000 đồng. Ở lần phạm tội vào tối 02/8/2020, bị cáo H. và Nguyễn Trọng B1 đã liên tục trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 4.300.000 đồng. Đến sáng sớm ngày 06/8/2020, Nguyễn Trọng B1 và bị cáo Nguyễn Hữu H. đã trộm cắp điện thoại với giá trị tài sản được định giá là 2.500.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản H. trộm cắp được định giá tổng là 6.800.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu H. là lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, đã nhiều lần lén lút lấy các tài sản của công dân với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.800.000 đồng, cùng với Nguyễn Trọng B1 chi tiêu các nhân. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu H. đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do tại thời điểm phạm tội, Nguyễn Trọng B1 chưa đủ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra công an huyện H không khởi tố bị can, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự đối với B1.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu H. đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy cần phải đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo, giáo dục chung cho xã hội.

[4] T. tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Do bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhận thấy chỉ vì động cơ vụ lợi, chơi bời lêu lổng nên liên tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để lấy tiền tiêu sài cá nhân, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị thấp, bị cáo từ trước đến nay chưa vi phạm pháp luật, từ đó để lượng giảm cho bị cáo

một phần hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Những tài sản bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho chủ sở hữu gồm: Chiếc điện thoại Oppo A37F đã được trả lại cho chị N, điện thoại Samsung Galaxy J7 đã được trả lại cho anh Lê Đình Th, những người bị hại này không yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 Plus mà bị cáo và Nguyễn Trọng B1 trộm của anh T. hiện đang lưu giữ tại Chi cục THA dân sự huyện H cần trả lại cho anh T..

Đối với chiếc điện thoại Oppo F1S màu vàng nhạt, đã qua sử dụng của anh Phạm Văn L. không thu giữ được, anh L. không nêu rõ được nguồn gốc mua, giấy tờ mua điện thoại, Hội đồng định giá căn cứ Điều 10 Nghị định 30/2018, từ chối định giá nên không thể xem xét xử lý. Anh L. không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Đối với anh Lại Văn B2 mua máy điện thoại, không biết những điện thoại đó do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý. Số tiền mà anh B2 mua điện thoại trả cho bị cáo và anh B2 là 1.700.000 đồng, anh B2 không yêu cầu phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không buộc Nguyễn Trọng B1 và bị cáo Nguyễn Hữu H. phải bồi hoàn cho anh Lại Văn B2. Tuy nhiên, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ nhà nước. Cụ thể truy thu từ bị cáo Nguyễn Hữu H. 850.000 đồng, từ Nguyễn Trọng B1 là 850.000 đồng. Do B1 chưa đủ tuổi thành niên nên buộc người đại diện theo pháp luật của B1 là anh Nguyễn Trọng Gi và chị Trần Thị S1 phải có trách nhiệm giao nộp số tiền 850.000 đồng cho cơ quan nhà nước.

Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu H. phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H. 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/8/2020.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 586 Bộ luật Dân sự.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn T. chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu ghi đã cũ, vỡ màn hình, có số IMEI 354999070217281 hiện đang lưu giữ tại Chi cục THA dân sự huyện H, theo biên bản Gi nhận vật chứng số 04/BBGN ngày 27/10/2020.

Truy thu của Nguyễn Trọng B1 và bị cáo Nguyễn Hữu H. số tiền do phạm tội mà có là 1.700.000 đồng, cụ thể truy thu từ bị cáo Nguyễn Hữu H. số tiền 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), từ Nguyễn Trọng B1 là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng). Do B1 chưa đủ tuổi thành niên nên buộc người đại diện theo pháp luật của B1 là ông Nguyễn Trọng Gi và bà Trần Thị S1 phải có trách nhiệm giao nộp số tiền 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) cho cơ quan nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H. phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Trọng B1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- CQĐT Công an h.H;
- Nhà tạm giữ CA h. H;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Người đại diện theo PL của người liên quan;
- UBND xã A, TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Tú